

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 39

ABC
CÔNG
TI
KIỂM
C VI
CHI
HÀ T
/INH

M.S.D.
★

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Số 27 đường Giải Phóng, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch (Từ 31/5/2022)
Ông Trần Thanh Hiệp	Phó Chủ tịch (Từ 31/5/2022)
Ông Trần Thanh Hữu	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Phong	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Hiệp	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm lại từ 31/5/2022)
Ông Trần Thanh Hữu	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Trần Thanh Hiệp - Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 07 đến trang 39, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trần Thành Hiệp đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2022

CMISTONE
VIỆT NAM
PHÂN

CMISTONE
VIỆT NAM
PHÂN



Số: 023/2022/BCSX-HT.00140

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 8 năm 2022, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến số dư đầu năm trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty. Do đó chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh đối với số dư đầu năm 2022 (nếu có) và các ảnh hưởng của chúng đến số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty hay không.
- Tại thời điểm soát xét báo cáo tài chính riêng, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp và chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số lượng hàng tồn kho tại ngày 30/6/2022 với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là 8.747.092.672 đồng và số lượng tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/6/2022 với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là 124.854.554.178 đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

- Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả có số dư theo sổ sách kế toán tại ngày 30/6/2022 như sau:

Khoản mục	Mã số	Số dư tại 30/6/2022
Các khoản phải thu		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10.163.386.727 đồng
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11.069.874.047 đồng
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2.211.000.000 đồng
Phải thu ngắn hạn khác	136	87.351.603.873 đồng
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	723.287.361 đồng
Phải thu dài hạn khác	216	17.902.634.552 đồng
Các khoản phải trả		
Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.803.403.556 đồng
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.861.254.085 đồng
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.305.754.302 đồng
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	31.196.726.003 đồng
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	120.631.372.601 đồng

Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 hay không.

- Tại ngày 30/6/2022, các chi phí chờ phân bổ đang được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn với giá trị 10.407.531.369 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá về khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai liên quan đến các khoản chi phí chờ phân bổ này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục chi phí trả trước cũng như các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty hay không.
- Tại thời điểm 30/6/2022, Công ty đang ghi nhận khoản vay Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) với số tiền 99.502.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 99.952.000.000 đồng). Đây là khoản vay của Công ty con theo Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 26/04/2018 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội được chuyển giao hoàn toàn nghĩa vụ nợ cho Công ty CP Cmistone Việt Nam vào ngày 01/7/2020. Chúng tôi không được tiếp cận các hồ sơ liên quan liên quan việc chuyển giao nghĩa vụ nợ này cũng như xác nhận từ phía Ngân hàng. Hiện tại, Công ty con đang bị ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do chậm thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn. Chúng tôi chưa được tiếp cận đầy đủ các hồ sơ liên quan đến vụ kiện để đưa ra các ý kiến liên quan đến vấn đề này.
- Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, Công ty đã hạch toán thu hồi bằng tiền mặt khoản tiền đã trả trước cho Công ty CP Xuất khẩu & Khai thác Khoáng sản Việt Nam với số tiền 14.220.000.000 đồng và bù trừ công nợ ứng trước với đối tượng này với số tiền 14.536.686.100 đồng, đồng thời hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 14.000.000.000 đồng. Tổng số giảm công nợ ứng trước thu hồi đã được cho Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) vay với số tiền 28.756.686.100 đồng, Với các tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, Chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý của nghiệp vụ thu tiền cũng như hoàn nhập dự phòng và không thể đánh giá được tính hiện hữu, đầy đủ của khoản Phải thu về cho vay này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và ảnh hưởng nếu có của các điều chỉnh đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

- Như đã trình bày tại thuyết minh 4.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính:

Tại ngày 30/6/2022, số lỗ lũy kế Công ty có giá trị là 253.464.988.787 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu với số tiền 89.405.876.641 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 59.176.835.818 đồng.

Từ năm 2018, Công ty đã chuyển giao toàn bộ Nhà máy Chế biến đá nhân tạo cho Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) thuê, quy mô hoạt động của công ty bị thu hẹp lại, không phát sinh chi phí tiền lương cho bộ máy quản lý Công ty mẹ.

Ngày 12/11/2021, Công ty đã bị Cục thuế thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 45815/QĐ-CTHN-QLN do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15.968.704.842 đồng (thời hạn cưỡng chế 01 năm).

Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, TP. Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã khởi kiện Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/4/2018 với số tiền đã cho vay là 100.000.000.000 đồng để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị, các khoản vay đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam. Đến thời điểm 30/6/2022, Công ty đã nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên từ Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con), do đó Công ty sẽ phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện này.

Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập là phù hợp hay chưa.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 24/3/2022. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và từ chối đưa ra kết luận đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 18/8/2021.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.041.818.513	28.488.181.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		78.045.047	78.407.881
1. Tiền	111	5.1	78.045.047	78.407.881
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.684.490.310	26.134.490.310
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2a	10.163.386.727	10.163.386.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.069.874.047	39.826.560.147
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	2.211.000.000	2.211.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	87.351.603.873	59.044.917.773
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(71.211.401.468)	(85.211.401.468)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		100.027.131	100.027.131
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	767.622.067	767.622.067
1. Hàng tồn kho	141		8.747.092.672	8.747.092.672
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.979.470.605)	(7.979.470.605)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.511.661.089	1.507.661.089
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.511.661.089	1.507.661.089
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.402.331.778	93.958.412.396
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		445.284.787	445.284.787
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2b	723.287.361	723.287.361
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	17.902.634.552	17.902.634.552
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(18.180.637.126)	(18.180.637.126)
II. Tài sản cố định	220		79.549.515.622	82.627.699.392
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	73.758.473.930	76.670.407.700
- Nguyên giá	222		124.854.554.178	124.854.554.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.096.080.248)	(48.184.146.478)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	5.791.041.692	5.957.291.692
- Nguyên giá	228		9.975.000.000	9.975.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.183.958.308)	(4.017.708.308)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.000.000.000	8.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.407.531.369	10.885.428.217
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	10.407.531.369	10.885.428.217
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.444.150.291	122.446.593.743

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		221.850.026.932	217.299.834.603
I. Nợ ngắn hạn	310		101.218.654.331	95.800.462.002
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	6.803.403.556	6.803.403.556
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.861.254.085	5.861.254.085
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	14.737.054.201	14.737.054.201
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	37.312.910.184	32.366.717.855
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.305.754.302	5.251.754.302
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11a	31.196.726.003	30.778.726.003
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.552.000	1.552.000
II. Nợ dài hạn	330		120.631.372.601	121.499.372.601
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11b	120.631.372.601	121.499.372.601
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(89.405.876.641)	(94.853.240.860)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	(89.405.876.641)	(94.853.240.860)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.167.767.978	3.167.767.978
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		891.344.168	891.344.168
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(253.464.988.787)	(258.912.353.006)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(258.912.353.006)	(283.389.615.841)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		5.447.364.219	24.477.262.835
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.444.150.291	122.446.593.743

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền



Ngày 30 tháng 8 năm 2022

Trần Thanh Hiệp

Trần Thanh Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	3.614.505.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	-	3.614.505.818
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	3.614.505.816
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	2
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	33.166	67.215
7. Chi phí tài chính	22	6.4	4.946.192.329	4.992.338.056
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.946.192.329	4.992.338.056
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	(13.949.604.000)	113.528.900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.003.444.837	(5.105.799.739)
11. Thu nhập khác	31		-	29.454.830
12. Chi phí khác	32	6.6	3.556.080.618	227.728.989
13. Lợi nhuận khác	40		(3.556.080.618)	(198.274.159)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.447.364.219	(5.304.073.898)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.447.364.219	(5.304.073.898)

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền



Ngày 30 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

CMISTONE

VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TRẦN THANH HIỆP

Trần Thanh Hiệp



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.447.364.219	(5.304.073.898)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.078.183.770	3.297.938.127
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.166)	(67.215)
- Chi phí lãi vay	06		4.946.192.329	4.992.338.056
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.471.707.152	2.986.135.070
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.554.000.000)	(3.567.790.417)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54.000.000	103.500.000
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		477.896.848	477.896.848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		449.604.000	(258.499)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.166	67.215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.166	67.215
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		418.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(868.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(450.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(362.834)	(191.284)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		78.407.881	78.971.329
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	78.045.047	78.780.045

Người lập biểu

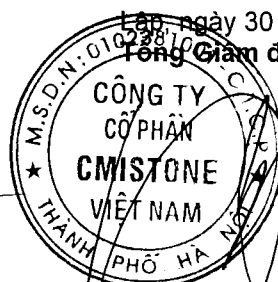


Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền



Lập, ngày 30 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 5 năm 2019.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, sét. Chi tiết: Khai thác đá, khai thác cát sỏi, khai thác đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Chi tiết: khai thác quặng, nhôm, đồng,
- Khai thác quặng sắt ; khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non;
- chì, kẽm, thiếc, manga, krom, niken, coban, molybden, tantal, vanadi;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khai thác nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên và chất phụ gia khác; khai thác đá quý, bột thạch anh mica...; khai thác đá vôi trắng;
- Sửa chữa máy móc màu và kim loại quý;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc; thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác như: bán buôn phương tiện vận tải; bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng; cho thuê máy móc thiết bị văn phòng; cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác như: dụng cụ máy, thiết bị đo lường và điều khiển; máy móc công nghiệp; cho thuê container.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ, 2 địa điểm kinh doanh của Công ty mẹ, 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Từ năm 2019 đến 6 tháng đầu năm 2022, Công ty chỉ có các thành viên Ban Tổng Giám đốc trực tiếp quản lý, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc không nhận lương trong 6 tháng đầu năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các công ty con tại ngày 30/6/2022, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam	Số 25 đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.	100%	100%

Địa điểm kinh doanh của Công ty tại ngày 30/6/2022, bao gồm:

STT	Địa chỉ
1	Văn phòng giao dịch Công ty tại Yên Bái Thôn Chấn Hưng, Xã Hưng Thịnh, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam.
2	Văn phòng giao dịch Công ty tại Quảng Ngãi Thôn Huy Măng, Xã Sơn Dung, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/6/2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30/6/2022, số lỗ lũy kế Công ty có giá trị là 253.464.988.787 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu với số tiền 89.405.876.641 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 59.176.835.818 đồng.

Từ năm 2018, Công ty đã chuyển giao toàn bộ Nhà máy Chế biến đá nhân tạo cho Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) thuê, quy mô hoạt động của công ty bị thu hẹp lại, không phát sinh chi phí tiền lương cho bộ máy quản lý Công ty mẹ.

Ngày 12/11/2021, Công ty đã bị Cục thuế thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 45815/QĐ-CTHN-QLN do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15.968.704.842 đồng (thời hạn cưỡng chế 01 năm).

Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, TP. Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã khởi kiện Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/4/2018 với số tiền đã cho vay là 100.000.000.000 đồng để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị, các khoản vay đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam. Đến thời điểm 30/6/2022, Công ty đã nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên từ Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con), do đó Công ty sẽ phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện này.

Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang tập trung xây dựng các phương án kinh doanh để Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai. Theo đó Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Vi vậy, báo cáo tài chính không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 năm |
| • Máy móc và thiết bị | 03 – 20 năm |
| • Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 – 10 năm |
| • Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 25 năm |

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng khai thác mỏ

Tài sản cố định vô hình thể hiện Quyền khai thác mỏ đá. Công ty khấu hao Quyền khai thác mỏ đá theo thời gian ước tính khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

4.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.11 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.13 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.17 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ báo cáo.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí giao hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
Tiền gửi ngân hàng	78.045.047	78.407.881
Cộng	<u>78.045.047</u>	<u>78.407.881</u>

5.2. Phải thu của khách hàng

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
+ Công ty CP Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam	53.093.352	53.093.352
+ Công ty CP Khoáng sản & CN Hưng Thịnh	5.147.623.734	5.147.623.734
+ Các khách hàng khác	4.962.669.641	4.962.669.641
Cộng	<u>10.163.386.727</u>	<u>10.163.386.727</u>

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
b) Phải thu của khách hàng dài hạn		
Công ty CP Thủy điện Đăkring	723.287.361	723.287.361
Cộng	<u>723.287.361</u>	<u>723.287.361</u>

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Cmistone VN	107.925.565	107.925.565
Công ty CP Đầu tư Đại Gia Phát	44.926.132	44.926.132
Công ty CP Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam	53.093.352	53.093.352
Cộng	<u>205.945.049</u>	<u>205.945.049</u>

5.3. Trả trước cho người bán

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CP Xuất khẩu & Khai thác khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	35.941.484.659
Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
Trả trước người bán ngắn hạn khác	1.859.407.768	1.859.407.768
Cộng	<u>11.069.874.047</u>	<u>39.826.560.147</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan		
Công ty CP Xuất khẩu & Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	35.941.484.659
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
Cộng	<u>9.210.466.279</u>	<u>37.967.152.379</u>
5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Công ty CP TM Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long (*)	2.211.000.000	2.211.000.000
Cộng	<u>2.211.000.000</u>	<u>2.211.000.000</u>

(*) Cho vay không lãi suất. Đã trích lập dự phòng 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.5. Phải thu khác

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	252.736.824	(251.140.824)	252.736.824	(251.140.824)
- Kỳ quỹ, ký cược	65.600.000	(65.600.000)	65.600.000	(65.600.000)
- Các khoản phải thu khác	87.033.267.049	(16.279.065.406)	58.726.580.949	(16.279.065.406)
+ Công ty CP Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	(8.123.395.577)	8.123.395.577	(8.123.395.577)
+ Công ty TNHH MTV Cmestone Việt Nam	70.647.583.643	-	42.340.897.543	-
+ Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	3.262.249.836	(3.262.249.836)	3.262.249.836	(3.262.249.836)
+ Công ty CP Cmestone Việt Lào	971.106.250	(971.106.250)	971.106.250	(971.106.250)
+ Công ty CP Xây dựng Vạn Xuân	561.817.600	(561.817.600)	561.817.600	(561.817.600)
+ Công ty TNHH Cavico Khoáng sản Lào	567.614.400	(567.614.400)	567.614.400	(567.614.400)
+ Phải thu các đối tượng khác	2.899.499.743	(2.792.881.743)	2.899.499.743	(2.792.881.743)
Cộng	87.351.603.873	(16.595.806.230)	59.044.917.773	(16.595.806.230)
b) Dài hạn				
- Các khoản phải thu khác	16.389.674.680	(16.389.674.680)	16.389.674.680	(16.389.674.680)
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn (*)	16.389.674.680	(16.389.674.680)	16.389.674.680	(16.389.674.680)
- Ký cược, ký quỹ	1.512.959.872	(1.067.675.085)	1.512.959.872	(1.067.675.085)
Cộng	17.902.634.552	(17.457.349.765)	17.902.634.552	(17.457.349.765)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải thu khác là bên liên quan

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	125.550.218	(125.550.218)	125.550.218	(125.550.218)
+ Ông Trần Thanh Hiệp	90.942.260	(90.942.260)	90.942.260	(90.942.260)
+ Ông Trần Thanh Hữu	34.093.037	(34.093.037)	34.093.037	(34.093.037)
+ Ông Nguyễn Hữu Trung	514.921	(514.921)	514.921	(514.921)
Phải thu khác ngắn hạn	83.004.335.306	(12.356.751.663)	54.697.649.206	(12.356.751.663)
+ Công ty CP Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	(8.123.395.577)	8.123.395.577	(8.123.395.577)
+ Công ty CP Công nghiệp Thương mại và DV Hoàng Sơn	3.262.249.836	(3.262.249.836)	3.262.249.836	(3.262.249.836)
+ Công ty TNHH MTV Cmistone VN	70.647.583.643	-	42.340.897.543	-
+ Công ty Cổ phần Cmistone Việt Lào	971.106.250	(971.106.250)	971.106.250	(971.106.250)
Phải thu khác dài hạn	16.389.674.680	(16.389.674.680)	16.389.674.680	(16.389.674.680)
+ Công ty CP Công nghiệp Thương mại và DV Hoàng Sơn (*)	16.389.674.680	(16.389.674.680)	16.389.674.680	(16.389.674.680)
Cộng	99.519.560.204	(28.871.976.561)	71.212.874.104	(28.871.976.561)

(*) Căn cứ hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CM-2014 ngày 01/11/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn, Công ty dự kiến góp vốn 25 tỷ đồng để cùng đầu tư xây dựng, lắp đặt, khai thác trạm tuyển chế biến Mỏ quặng sắt tại thôn Làng Hồ, xã Hương Sơn, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị. Thời gian hợp đồng từ 01/11/2014 đến khi hết hiệu lực của Giấy phép Khai thác mỏ. Công ty được hưởng 85% lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Thực tế, Công ty đã góp 16.389.674.680 đồng bằng quyền đòi nợ các đối tác và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cavico Lào. Đến ngày 31/12/2016 và cho đến nay, Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn vẫn chưa được cấp gia hạn Giấy phép khai thác mỏ, Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam vẫn chưa nộp đủ số vốn góp thiếu theo hợp đồng. Số tiền chưa góp đủ là 8.610.325.320 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Nợ xấu

	30/6/2022		01/01/2022	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND
- Công ty CP Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	Trên 3 năm	2.299.102.342	Trên 3 năm	2.299.102.342
- Công ty CP Thủy điện ĐăkRing	Trên 3 năm	723.287.361	Trên 3 năm	723.287.361
- Ông Nguyễn Huy Liêm	Trên 3 năm	-	Trên 3 năm	-
- Công ty CP Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Trên 3 năm	15.361.287.488	Trên 3 năm	44.117.973.588
- Công ty CP Công nghiệp TM và DV Hoành Sơn	Trên 3 năm	19.651.924.516	Trên 3 năm	19.651.924.516
- Ông Trần Thanh Hiệp	Trên 3 năm	90.942.260	Trên 3 năm	90.942.260
- Ông Nguyễn Văn Hùng	Trên 3 năm	2.879.664	Trên 3 năm	2.879.664
- Ông Trần Thanh Hữu	Trên 3 năm	34.093.037	Trên 3 năm	34.093.037
- Ông Nguyễn Hữu Trung	Trên 3 năm	514.921	Trên 3 năm	514.921
- Công ty CP Cmistone Việt Lào	Trên 3 năm	971.106.250	Trên 3 năm	971.106.250
- Các tổ chức và cá nhân khác	Trên 2 năm	37.090.589.700	Trên 2 năm	37.090.589.700
Cộng		76.225.727.539		104.982.413.639
		1.590.375.045		1.590.375.045

Ban Tổng Giám đốc Công ty tự xác định khả năng thu hồi các khoản công nợ này, giá trị có thể thu hồi được trình bày ở bảng này bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.7. Hàng tồn kho**

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	41.150.000	-	41.150.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.979.470.605	(7.979.470.605)	7.979.470.605	(7.979.470.605)
Thành phẩm	294.265.890	-	294.265.890	-
Hàng gửi bán	432.206.177	-	432.206.177	-
Cộng	8.747.092.672	(7.979.470.605)	8.747.092.672	(7.979.470.605)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dân VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2022	34.934.109.936	82.467.825.045	3.046.420.248	4.406.198.949	124.854.554.178
Số dư 30/6/2022	34.934.109.936	82.467.825.045	3.046.420.248	4.406.198.949	124.854.554.178
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2022	8.457.074.417	36.410.863.892	2.170.208.013	1.146.000.156	48.184.146.478
Khấu hao trong kỳ	720.964.741	1.978.983.805	112.408.219	99.577.005	2.911.933.770
Số dư 30/6/2022	9.178.039.158	38.389.847.698	2.282.616.232	1.245.577.161	51.096.080.248
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	26.477.035.519	46.056.961.153	876.212.235	3.260.198.793	76.670.407.700
Tại ngày 30/6/2022	25.756.070.778	44.077.977.347	763.804.016	3.160.621.788	73.758.473.930

Thuyết minh tài sản cầm cố thế chấp!

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền khai thác mỏ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2022	9.975.000.000	9.975.000.000
Số dư 30/6/2022	9.975.000.000	9.975.000.000
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2022	4.017.708.308	4.017.708.308
Khấu hao trong kỳ	166.250.000	166.250.000
Số dư 30/6/2022	4.183.958.308	4.183.958.308
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	5.957.291.692	5.957.291.692
Tại ngày 30/6/2022	5.791.041.692	5.791.041.692

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cụm CN Nghĩa Long - huyện Nghĩa Đàn	10.407.531.369	10.885.428.217
Cộng	<u><u>10.407.531.369</u></u>	<u><u>10.885.428.217</u></u>

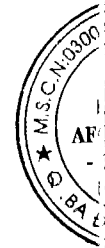
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Vay và nợ thuế tài chính

	30/6/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Trang An (i)	3.372.550.746	3.372.550.746	-	-	3.372.550.746	3.372.550.746
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (ii)	14.623.814.257	14.623.814.257	-	-	14.623.814.257	14.623.814.257
- Vay ngắn hạn cá nhân (iii)	14.361.000	14.361.000	-	-	14.361.000	14.361.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	13.186.000.000	13.186.000.000	418.000.000	-	12.768.000.000	12.768.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (iv)	418.000.000	418.000.000	418.000.000	-	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (v)						
Cộng	31.196.726.003	31.196.726.003	418.000.000	-	30.778.726.003	30.778.726.003
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (iv)	21.129.372.601	21.129.372.601	-	-	21.129.372.601	21.129.372.601
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (v)						
- Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (vi)	99.502.000.000	99.502.000.000	-	450.000.000	99.952.000.000	99.952.000.000
Cộng	120.631.372.601	120.631.372.601	-	868.000.000	121.499.372.601	121.499.372.601



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Vay và nợ thuế tài chính với bên liên quan

	30/6/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam	99.502.000.000	99.502.000.000	-	450.000.000	99.952.000.000	99.952.000.000

i. Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ Phần Chứng khoán Tràng An theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-21062010/HTĐT-CVCSM-TAS ký ngày 21/06/2010 và phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 21/02/2011. Mục đích: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An góp tiền cho Công ty CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp (nay là Công ty Cổ phần CMISTONE VIỆT NAM) để công ty Cổ phần CMISTONE VIỆT NAM làm đại diện sử dụng số tiền góp này để đầu tư chứng khoán, Lãi suất phải trả năm 2012 là 21,6%/năm, Thời hạn hợp đồng đến 26/07/2011. Hiện nay Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng Mã số thuế do đó Công ty không thực hiện đối chiếu được khoản công nợ này.

ii. Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng số 1450LV201600205 ký ngày 14/04/2016 với điều khoản: Hạn mức 23.500.000.000 đồng, Thời hạn 12 tháng, Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, Lãi suất theo từng lần nhận nợ, Tài sản đảm bảo: Đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp: 1450-LCP-201100081; 1450-LCP-201300246; 1450-CLP201500291.

iii. Vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, không tính lãi.

iv. Vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV201500035 ký ngày 22/01/2015 với các điều khoản
Hạn mức: 3.150.000.000 đồng

Thời hạn hiệu lực: 48 tháng

Mục đích vay: Mua 01 máy xúc lật, 06 xe ô tô Dongfeng

Lãi suất: Lãi suất tại ngày vay 10,5% lãi suất thả nổi 03 tháng điều chỉnh 1' lần;

Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là 01 máy xúc lật, 06 xe ô tô Dongfeng hình thành trong tương lai

- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100330 ký ngày 15/09/2011 với các điều khoản

Hạn mức: 5.000.000.000

Thời hạn hiệu lực: 60 tháng

Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị

Lãi suất: lãi suất thả nổi

Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là quyền đầu tư khai thác mỏ sắt tại Yên Bái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

v. Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đống Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201500144 ký ngày 13/04/2015 với điều khoản:

Thời hạn hiệu lực: 96 tháng;

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghệ An;

Lãi suất: Lãi suất tại ngày vay 11%/năm, Lãi suất biến đổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần;

Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam

vi. Vay Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam theo Hợp đồng vay ký ngày 27/04/2018, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay 10%. Tại thời điểm ngày 01/07/2020, 02 bên ký phụ lục hợp đồng về việc Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (công ty con) chuyển giao hoàn toàn nghĩa vụ nợ cho Công ty CP Cmiston Việt Nam. Công ty con chỉ còn là đơn vị đứng tên trên Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 26/04/2018 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đống Hà Nội.

5.12. Phải trả người bán

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Guangzhou Honesty Trading Co., Ltd	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000
- Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng Công nghiệp	721.304.958	721.304.958	721.304.958	721.304.958
- Công ty CP Phát triển Hạ tầng Công nghiệp Đống Nam	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410
- Đội thi công Vũng Áng	467.974.965	467.974.965	467.974.965	467.974.965
- Công ty CP Chứng khoán MIB	209.000.000	209.000.000	209.000.000	209.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.979.682.223	1.979.682.223	1.979.682.223	1.979.682.223
Cộng	6.803.403.556	6.803.403.556	6.803.403.556	6.803.403.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2022
	VND			VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.279.437.961	-	-	2.279.437.961
Thuế thu nhập cá nhân	402.861.685	-	-	402.861.685
Thuế tài nguyên	1.729.417.939	-	-	1.729.417.939
Các loại thuế khác	616.979.082	-	-	616.979.082
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.708.357.534	-	-	9.708.357.534
Cộng	14.737.054.201	-	-	14.737.054.201

5.14. Chi phí phải trả

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	36.469.584.754	31.523.392.425
Chi phí phải trả khác	843.325.430	843.325.430
Cộng	37.312.910.184	32.366.717.855
	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
b) Chi phí phải trả các bên liên quan		
Lãi vay phải trả Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam	4.946.192.329	-
Cộng	4.946.192.329	-

5.15. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	412.917.463	412.917.463
- Kinh phí công đoàn	121.656.904	121.656.904
- Bảo hiểm xã hội	2.955.115.009	2.955.115.009
- Bảo hiểm Y tế	90.910.190	90.910.190
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.385.832	7.385.832
- Phải trả về cổ phần hóa	123.002.409	123.002.409
- Các khoản phải trả khác	1.594.766.495	1.540.766.495
Cộng	5.305.754.302	5.251.754.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng	
NĂM TRƯỚC						
Số dư đầu năm	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(283.389.615.841)	(119.330.503.695)	
Lỗi trong năm	-	-	-	24.477.262.835	24.477.262.835	
Số dư cuối năm	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(258.912.353.006)	(94.853.240.860)	
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022						
Số dư 01/01/2022	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(258.912.353.006)	(94.853.240.860)	
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.447.364.219	5.447.364.219	
Số dư 30/6/2022	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(253.464.988.787)	(89.405.876.641)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
Vốn góp của các cổ đông	160.000.000.000	160.000.000.000
Cộng	<u>160.000.000.000</u>	<u>160.000.000.000</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	160.000.000.000	160.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	160.000.000.000	160.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>30/06/2022</u> Cổ phiếu	<u>01/01/2022</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND**

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính:

- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/6/2022</u> VND	<u>01/01/2022</u> VND
Quỹ đầu tư phát triển	891.344.168	891.344.168
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.614.505.818
Cộng	-	3.614.505.818
	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Cmistone	-	3.614.505.818
Cộng	-	3.614.505.818

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	3.614.505.816
Cộng	-	3.614.505.816

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi	33.166	67.215
Cộng	33.166	67.215

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
Lãi tiền vay	4.946.192.329	4.992.338.056
Cộng	4.946.192.329	4.992.338.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Thuế, phí, lệ phí	396.000	3.528.900
Chi phí dự phòng	(14.000.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.000.000	100.000.000
Chi phí bằng tiền khác	-	10.000.000
Cộng	(13.949.604.000)	113.528.900

6.6. Chi phí khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí khấu hao, phân bổ không phục vụ sản xuất kinh doanh	3.556.080.618	190.783.989
Chi phí khác	-	36.945.000
Cộng	3.556.080.618	227.728.989

6.7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	477.896.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	3.136.608.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.000.000	100.000.000
Chi phí khác	396.000	13.528.900
Cộng	50.396.000	3.728.034.716

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(i)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	5.447.364.219	(5.304.073.898)
<i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</i>		
Các khoản điều chỉnh tăng	3.556.080.618	227.728.989
+ Chi phí không được trừ	3.556.080.618	227.728.989
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	9.003.444.837	(5.076.344.909)
Lỗ năm trước chuyển sang	(9.003.444.837)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	(5.076.344.909)
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả năm hiện hành	-	-

Ngày 12/11/2021, Công ty đã bị Cục thuế thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 45815/QĐ-CTHN-QLN do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15.968.704.842 đồng (thời hạn cưỡng chế 01 năm).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Thanh Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Trần Thanh Hữu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Đức Phong	Thành viên HĐQT
5	Công ty CP TM Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	Ông Nguyễn Hữu Trung - Phó Tổng GD Công ty CP Đá Cmistone đồng thời là Giám đốc Công ty CP TM Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long
6	Công ty CP Công nghiệp TM và Dịch vụ Hoành Sơn	Ông Trần Thanh Hiệp - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp TM và Dịch vụ Hoành Sơn đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty CP Cmistone Việt Nam
7	Công ty CP Cmistone Việt Lào	Ông Trần Thanh Hiệp - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cmistone Việt Lào đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty CP Cmistone Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- 8 Công ty CP XK & KT khoáng sản Việt Nam Ông Trần Thanh Hiệp - Đại diện theo pháp luật của Công ty CP XK & KT khoáng sản Việt Nam đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty CP Cmistone Việt Nam
- 9 Công ty CP Đầu tư Đại Gia Phát Ông Trần Thanh Hữu - Giám đốc của Công ty CP Đầu tư Đại Gia Phát đồng thời là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Cmistone Việt Nam

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

TT	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 VND
1	Công ty TNHH MTV Cmistone VN	Thu tiền (Phải thu khác)	28.306.686.100	-
		Trả gốc tiền vay	450.000.000	-
		Cho thuê tài sản	-	3.614.505.818
		Lãi vay phải trả	4.946.192.329	4.992.338.056

2	Công ty CP XK & KT khoáng sản Việt Nam	Thu công nợ khác	28.756.686.100	-
---	--	------------------	----------------	---

c) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tài khoản liên quan	30/6/2022	01/01/2022
Ông Trần Thanh Hiệp	Tạm ứng	90.942.260	90.942.260
Ông Trần Thanh Hữu	Tạm ứng	34.093.037	34.093.037
Công ty TNHH MTV Cmistone VN	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	107.925.565	107.925.565
	Phải thu ngắn hạn khác	70.647.583.643	42.340.897.543
	Chi phí phải trả	4.946.192.329	-
	Phải trả ngắn hạn khác	54.000.000	-
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	99.502.000.000	99.952.000.000
Công ty CP Công nghiệp TM và Dịch vụ Hoành Sơn	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.025.667.720	2.025.667.720
	Phải thu ngắn hạn khác	3.262.249.836	3.262.249.836
	Phải thu dài hạn khác	16.389.674.680	16.389.674.680
Công ty CP Cmistone Việt Lào	Phải thu ngắn hạn khác	971.106.250	971.106.250
Công ty CP XK & KT khoáng sản Việt Nam	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	53.093.352	53.093.352
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.184.798.559	35.941.484.659
	Phải thu ngắn hạn khác	8.123.395.577	8.123.395.577
Công ty CP Đầu tư Đại Gia Phát	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	44.926.132	44.926.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.3 Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

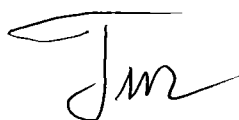
7.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty đã được soát xét.

7.5 Thông tin khác

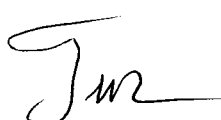
Ngày 28/12/2021, Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, TP. Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã khởi kiện Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/4/2018 với số tiền đã cho vay là 100.000.000.000 đồng để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị, các khoản vay đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam. Đến thời điểm 30/6/2022, Công ty đã nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của hợp tín dụng nêu trên từ Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam (Công ty con), do đó Công ty sẽ phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện này.

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền



Lập ngày 30 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hiệp